

Số: 33/2024/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 10 tháng 5 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

## 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán và các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các định mức quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa được áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các định mức chi không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (viết gọn là Thông tư 03/2023/TT-BTC); Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (viết gọn là Thông tư 02/2023/TT-BKHCN) và các quy định pháp luật hiện hành.

## **Điều 3. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

### 1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 36 triệu đồng/người/tháng và định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tối đa không quá 32 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ. Việc lập dự toán chi thù lao tham gia nhiệm

vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư 02/2023/TT-BKHHCN.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư 03/2023/TT-BTC.

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	buổi	1.800	1.600
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	buổi	450	400
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	báo cáo	2.700	2.400

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	báo cáo	1.350	1.200
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	thành viên/buổi	270	240

a) Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

b) Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 270 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và 240 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

#### **Điều 4. Định mức chi quản lý hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi thù lao

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
a	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng		
-	Chủ tịch hội đồng		1.350	1.200

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		900	800
-	Thư ký khoa học		270	240
-	Thư ký hành chính		270	240
-	Đại biểu được mời tham dự		180	160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		450	400
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		630	560
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch hội đồng		630	560
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		450	400
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.620	1.440
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.350	1.200
-	Thư ký khoa học		270	240
-	Thư ký hành chính		270	240
-	Đại biểu được mời tham dự		180	160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
		đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		630	560
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		900	800
<b>3</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
a	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch hội đồng		1.620	1.440
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.350	1.200
-	Thư ký khoa học		270	240
-	Thư ký hành chính		270	240
-	Đại biểu được mời tham dự		180	160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		630	560
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		900	800
<b>4</b>	<b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của các Hội đồng</b>	Chuyên gia	1.350	1.200

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định pháp luật về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Định mức chi thù lao cho Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ

khoa học và công nghệ.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng	Nhiệm vụ	900	800
2	Thành viên	Nhiệm vụ	630	560
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	270	240
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	180	160

### 3. Định mức chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 04 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác phí cho các nội dung liên quan đến quản lý các hoạt động thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

5. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu, quản lý: Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chi tiếp khách nước ngoài đến làm việc tại Quảng Trị, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Quảng Trị và chi tiếp khách trong nước. Khi các văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến quản lý hoạt động khoa học và công nghệ được thực hiện trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách tỉnh.
2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KH-CN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: KH-CN, KHĐT, TC, KBNN tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Quang**